TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày: 10/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Thịnh
2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST- HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Vương Thanh Tr, sinh năm 1995 tại thành phố H; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú và Nơi sinh sống (Cư trú): Ấp 1, xã LĐ, huyện CĐ, tỉnh LA; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá (Học vấn): 9 /12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế H và bà Phạm Thị T ;Vợ: Lê Thanh Th; Có 1 người con, sinh năm: 2018; Tiền sự: Không; Tiền án: chưa có.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/4/2019 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã LĐ, huyện CĐ, tỉnh LA.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1952 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 02 đường Mai Hắc Đế, phường 15, quận 8, thành phố H.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1958 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã LĐ, huyện CĐ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Khoảng 19 giờ ngày 13/3/2019, Vương Thanh Tr điều khiển xe mô tô biển số 59D2 – 233.32 đến nhà cậu ruột là ông Phạm Văn K ở ấp 1, xã LĐ, huyện CĐ để chở ông K về nhà Tr ăn cơm, cách khoảng 01km. Trên đường đi Tr nảy sinh ý định quay trở lại đột nhập nhà ông K để chiếm đoạt tài sản. Sau khi ăn cơm xong, ông K và bà Phạm Thị T là mẹ ruột của Tr ngồi nói chuyện và xem tivi. Lúc này Tr đi bộ đến nhà ông K, leo lên hàng rào vào khuôn viên nhà ông K, rồi leo lên nóc nhà dỡ ngói đột nhập vào bên trong nhà. Tr đến tủ nhôm nhà sau lục soát, chiếm đoạt tài sản gồm có: 02 (hai) nhẫn kim loại màu vàng 9999 có ký hiệu KIMNGOC KNI 9999 KNJ 50, mỗi nhẫn trọng lượng 05 chỉ; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng có ký hiệu KIMNGOC KNJ 9999 KNJ 20, trọng lượng 02 chỉ; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng có tuổi 5.0, đính hột trang sức thường màu xanh có ký hiệu MINH 18, trọng lượng 2,15 chỉ; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng có tuổi 6.1, đính hột trang sức thường màu trắng có ký hiệu N481, trọng lượng 2,88 chỉ và số tiền 4.850.000 đồng.

Lấy được tài sản Tr bỏ vào túi quần đang mặc, rồi tẩu thoát theo lối cũ và lợp ngói lại. Tiếp đến Tr về nhà lấy tài sản vừa trộm được cất vào cốp xe mô tô biển số 59D2 – 233.32, chở ông K về nhà. Ông K thấy cửa tủ nhôm bị hở phía dưới nên kiểm tra lại tài sản, phát hiện bị mất số tài sản nêu trên nên trình báo công an. Quá trình điều tra bị cáo Tr thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm và tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CĐ kết luận số tài sản mà Vương Thanh Tr trộm của ông K là 59.630.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vương Thanh Tr thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai: Do không có tiền lo cho vợ con trong thời gian bị thất nghiệp nên bị cáo trộm tài sản của ông K. Bị cáo bị truy cứu về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến về kết luận định giá tài sản; Lời khai của bị hại và lời khai của người làm chứng tại phiên tòa.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Người bị hại ông Phạm Văn K có lời trình bày phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Hiện tại số tài sản bị cáo Tr chiếm đoạt Tr đã giao nộp lại đầy đủ và Cơ quan điều tra đã giao trả đủ cho ông nên ông không có yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng bà Phạm Thị T có lời trình bày tại phiên tòa đúng với diễn biến sự việc như bị cáo Tr và ông K trình bày.

Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS- CĐ ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA truy tố bị cáo Vương Thanh Tr về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Vương Thanh Tr đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo có cậu ruột là liệt sĩ; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn xin bãi nại; hoàn cảnh gia đình khó khăn do đang nuôi con nhỏ và mẹ ruột bị bệnh ung thư, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vương Thanh Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vương Thanh Tr từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã giao nộp lại đủ tài sản cho bị hại nên không đề cập.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại có ý kiến tranh luận: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện lo cho mẹ và con nhỏ.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo không có lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 13/3/2019 tại nhà ông Phạm Văn K, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa. Lợi dụng sự sơ hở của ông K bị cáo Tr đã lét lút chiếm đoạt tài sản của ông K nhằm mục đích chi tiêu cho gia đình trong lúc bị cáo bị thất nghiệp.

[2.1] Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CĐ kết luận số tài sản mà Vương Thanh Tr trộm của ông K là 59.630.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với cùng tình tiết định khung hình phạt tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình Sự, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA đối với bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c).Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đồng đến dưới 200.000.000đồng...".

[2.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có cậu ruột là liệt sĩ; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn xin bãi nại; hoàn cảnh gia đình khó khăn do đang nuôi con nhỏ và mẹ ruột bị bệnh ung thư; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.4] *Xét hình phạt đối với bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho bị cáo Tr được hưởng án treo. Giao bị cáo Tr về UBND xã LĐ để giám sát, giáo dục.

Xét hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.5] *Xét trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Bị cáo Vương Thanh Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Vương Thanh Tr phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

Xử phạt bị cáo Vương Thanh Tr 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vương Thanh Tr về Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện CĐ, tỉnh LA để theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự".

Miễn phạt tiền cho bị cáo Vương Thanh Tr theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về án phí: Bị cáo Vương Thanh Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại (Nếu có);
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ (Nếu có);
- VKSND huyện CĐ;
- VKSND tỉnh LA;
- UBND xã Long Đinh;
- Cơ quan CSĐT CA huyện CĐ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện CĐ;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH HỮU NGHĨA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn Th theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Tr ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Tr ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Tr ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định

của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp th ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)